

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống;
Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐ-ST ngày 06/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1982 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Tấn S, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày yêu cầu:

Bà Đ và ông Huỳnh Tấn S tìm hiểu và thành hôn vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Trong thời gian chung sống ông S thường hay uống rượu, ghen vô cớ, không

tôn trọng vợ, ông bà thường xuyên cự cãi và xô xát gây thương tích; nhiều lần bà Đ cho ông S cơ hội nhưng ông S không sửa đổi, mâu thuẫn càng thêm trầm trọng, ông bà sống ly thân. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà Đ yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên Huỳnh Quốc Đ2, sinh ngày 22/3/2002 (nam); Huỳnh Khả T, sinh ngày 23/12/2003 (nữ), hiện nay các cháu sống chung gia đình. Khi ly hôn, cháu Đ2 đã trưởng thành sống tự lập nên không đặt ra yêu cầu; yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn S trình bày ý kiến:

Ông S và bà Lê Thị Đ tìm hiểu và kết hôn năm 2000, hôn nhân có đăng ký. Trong thời gian chung sống có cự cãi nhiều lần, những năm gần đây không còn cãi nhiều. Nguyên nhân làm ăn khó khăn nên căng thẳng, do công việc có nhậu nhiều đôi lúc không kiềm chế bản thân dẫn đến cự cãi và xô xát nhưng không nghiêm trọng. Hơn 01 tháng nay cự cãi bà Đ về nhà mẹ đẻ sinh sống, bản thân cũng biết lỗi và hứa khắc phục, mong được bà Đ tha thứ vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho con.

Về con chung: Có 02 người con tên Huỳnh Quốc Đ2, sinh ngày 22/3/2002 (nam); Huỳnh Khả T, sinh ngày 23/12/2003 (nữ), hiện nay các cháu sống chung gia đình. Khi ly hôn, cháu Đ2 đã trưởng thành sống tự lập nên không đặt ra yêu cầu; cháu T thì theo nguyện vọng cháu, không đặt ra cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện ly hôn; con chung 02 người, có một người trưởng thành không đặt ra yêu cầu, còn cháu T theo nguyện vọng con, không cấp dưỡng; tài sản công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không đồng ý ly hôn, vì để con lớn mới ly hôn; con chung 02 người, theo nguyện vọng con không cấp dưỡng; tài sản công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Đ và ông Huỳnh Tấn S thành hôn vào năm 2000, đến năm 2004 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận kết hôn số 473/2004 cấp ngày 30/7/2004, vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Theo trình bày của bà Đ, trong thời gian sống chung ông S ghen tuông vô cớ, nhậu về đánh đập vợ, nhiều lần cho cơ hội nhưng ông S không sửa chữa, nên bà Đ yêu cầu ly hôn. Ông S thừa nhận đôi lúc nhậu nhiều không kiềm chế bản thân nên có cự cãi và xô xát với vợ, một phần do công việc làm ăn không thuận lợi nên bị áp lực, căng thẳng, nay xin cho một cơ hội để hàn gắn sửa chữa lỗi lầm, bà Đ không đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra bà Đ cũng một lần gửi đơn xin ly hôn và sau đó rút đơn lại, từ khi rút đơn khởi kiện ly hôn đến nay ông bà cũng không có biện pháp hàn gắn, kéo dài làm cho hôn nhân ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến mất hạnh phúc, tại phiên tòa bà Đ vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông S xin hàn gắn. Thấy rằng, mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc xin ly hôn với ông S.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 02 người con tên Huỳnh Quốc Đ2, sinh ngày 22/3/2002 (nam); Huỳnh Khả T, sinh ngày 23/12/2003 (nữ), hiện nay các cháu sống chung gia đình. Khi ly hôn, cháu Đ2 đã trưởng thành sống tự lập nên không đặt ra yêu cầu; cháu T chưa đủ 18 tuổi nên xét theo nguyện vọng của cháu.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu T, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu T cho bà Đ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án bà Đ không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Đ phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Tấn S.

Cho bà Lê Thị Đ ly hôn với ông Huỳnh Tấn S.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Khả T, sinh ngày 23/12/2003 (nữ) cho bà Lê Thị Đ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà Đ phải chịu, bà có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007276 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí bà Đ đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính